

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/DS-PT

Ngày: 12-4-2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 412/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH W;

Địa chỉ: KCN B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại theo pháp luật: Ông LIM MIN S – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1996 (theo Giấy ủy quyền ngày 10/01/2022) (có mặt);

Địa chỉ: KCN B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn S1, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV A, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Quang T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Đặng Thị S2, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị S2: Ông Phạm Ngọc D, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Ngọc D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Vũ C, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 50/6 xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đặng Thị S2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn Công ty TNHH W, có đại diện theo ủy quyền là anh Bùi Văn L trình bày:*

Ông T có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH W. Công ty đã giao hàng đầy đủ nhưng ông T không trả nợ cho Công ty. Ông T và bà S2 có ký các xác nhận công nợ. Hai bên đã đối chiếu và ký xác nhận công nợ hàng tháng. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu buộc ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị S2 phải thanh toán cho Công ty TNHH W:

- Số tiền gốc là 759.260.739 VNĐ (bảy trăm năm mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng).

- Số tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền nợ gốc với lãi suất trong Hợp đồng mua bán hàng hóa là 0,03%/ngày tính từ ngày 28/02/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 81.715.696 VNĐ (tám mươi một triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng).

(Cách tính $859.260.739$ (nợ gốc) $\times 0,03\%$ (lãi suất chậm trả trong HĐMBHH $\times 317$ ngày (từ 28/02/2021 đến ngày 11/01/2022) = 81.715.696 VNĐ).

- Tạm tính tổng cộng là số tiền 840.976.435 VNĐ (tám trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng).

** Bị đơn ông Đặng Quang T trình bày:*

Ông có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH W. Các công nợ do bà S2 ký và ghi họ tên. Ông đồng ý liên đới cùng bà S2 trả số nợ 341.665.750 đồng và lãi 0,03%/ngày theo Hợp đồng tín dụng.

Chuyến hàng ngày 29/4/2020 là 10.250 kg $\times$ 12.500 đồng/kg = 128.125.000 đồng ông và bà S2 không có nhận. Những chuyến hàng trước đó ông bà có nhận. Cụ thể: ngày 20/3/2020, 27/3/2020 và chuyến hàng ngày 18/4/2020 ông bà có nhận nhưng không nhớ ai nhận. Thức ăn cá da trơn thường do ghe nhận, thức ăn cá vảy thường là do xe nhận.

** Bị đơn bà Đặng Thị S2 trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của bị đơn ông T, bà đồng ý liên đới cùng bị đơn ông T trả số nợ còn lại 341.665.570 đồng và lãi theo Hợp đồng tín dụng. Chuyến hàng ngày 29/4/2020 là 10.250 kg $\times$ 12.500 đồng/kg = 128.125.000 đồng ông bà

không có nhận. Những chuyến hàng trước đó ông bà có nhận. Cụ thể: Ngày 20/3/2020, 27/3/2020 và chuyến hàng ngày 18/4/2020 ông bà có nhận nhưng không nhớ ai nhận. Thức ăn cá da trơn thường do ghe nhận, thức ăn cá vảy thường là do xe nhận. Khi nhận thì tài xế ghe hoặc xe ký nhận, hiện nay biên bản nhận hàng đã thất lạc. Khoảng tháng 01/2022, bà và Công ty có xác nhận công nợ, bà có ghi trong xác nhận công nợ là không chính xác.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Đặng Thị S2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà S2 cung cấp “Biên bản làm việc ngày 10/12/2021” giữa bà Đặng Thị S2 và Nguyễn Thị N. Bị đơn bà S2 cho rằng Công ty đồng ý trừ các khoản tiền như biên bản làm việc cho phía bị đơn. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông N1 và bà N không phải đại diện cho Công ty TNHH W, do biên bản làm việc ngày 10/12/2021 không có dấu của Công ty nên không phát sinh nghĩa vụ của Công ty.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 412/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 430, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH W – đại diện theo pháp luật là ông LIM MIN S.

Buộc Bà Đặng Thị S2 và ông Đặng Quang T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Công ty TNHH W – đại diện theo pháp luật là ông LIM MIN S số tiền tổng cộng là 899.463.212 đồng (gồm 759.260.739 đồng gốc và 140.202.473 đồng lãi). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 26/9/2022, bị đơn bà Đặng Thị S2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH W.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn pháp biểu và đề nghị: Bà S2 cho rằng khi ký xác nhận công nợ đối với lô hàng ngày 29/4/2020 bà không có coi đến tháng 7/2020 bà mới phát hiện, nhưng đến tháng 08/2020 thì bà vẫn ký xác nhận công nợ và không có nói gì đến lô hàng ngày 29/4/2020. Các lần ký xác nhận công nợ đều không có ý gì, thừa nhận công nợ với Công ty, do đó Công ty khởi kiện đúng quy định. Đối với yêu cầu triệu tập ông Quang N1 và bà N là không có lý do, vì hai người trên là nhân viên Sale khi muốn bán

hàng có nhiều cách, còn các điều khoản hỗ trợ cần trừ phải do Công ty thống nhất thì mới có cơ sở để xem xét, đối với tiền chiết khấu đã được cần trừ trên hóa đơn xong rồi còn khoản tiền phạt thì Công ty không có tính, do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn pháp biểu và đề nghị: Đối với bà N và ông Quang N1 là người đại diện Công ty tại hai biên bản làm việc ngày 10/12/2021 và ngày 19/11/2021, giai đoạn sơ thẩm thì Công ty không thừa nhận, chỉ Sương không thể cung cấp được địa chỉ nên Tòa án sơ thẩm không triệu tập. Việc đại diện theo ủy quyền của Công ty không thừa nhận hai biên bản ngày 10/12/2021 và ngày 19/11/2021 là không có căn cứ vì hai biên bản trên được đánh máy có số hiệu trích yếu của Công ty, do bà N và ông Quang N1 hiện nay vẫn đang là nhân viên của Công ty làm việc với bà S2. Ngoài ra tại phiếu xuất kho ngày 29/4/2020 do anh H là người lập biểu còn người nhận hàng không rõ và bà S2 không thừa nhận, nhưng án sơ thẩm không triệu tập làm rõ đối với lô hàng ngày 29/4/2020 Công ty có giao cho bà S2 hay không và ai là người nhận hàng. Án sơ thẩm chưa triệu tập ông N1 và bà N làm rõ hai biên bản ngày 10/12/2021 và ngày 19/11/2021, chưa làm rõ đối với lô hàng ngày 29/4/2020 là vi phạm nghiêm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty cho rằng ông N1 và bà N không phải là người đại diện cho Công ty và biên bản không có con dấu là không hợp pháp. Còn án sơ thẩm cho rằng bị đơn bà S2 cung cấp tài liệu chứng cứ là 02 biên bản làm việc và trích tin nhắn của tài khoản tên K nhưng không cung cấp được thông tin năm sinh, địa chỉ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận ông N1 và bà N là nhân viên của Công ty, hiện vẫn còn là nhân viên của Công ty và thừa nhận các chi phí bảo lãnh tại ngân hàng là do đại lý được hưởng cho rằng đã trả rồi, bị đơn không thừa nhận. Nhưng án sơ thẩm không đưa ông N1 và bà N tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để đối chiếu làm rõ các số tiền tại hai biên bản ngày 10/12/2021 và ngày 19/11/2021 là vi phạm thủ tục tố tụng. Những vi phạm trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục, để bảo đảm hai cấp xét xử, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đặng Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng mua bán tài sản, án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty TNHH W với bị đơn ông T, bà S2 là đúng trình tự thủ tục quy định tại các điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị S2 đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bị đơn bà Đặng Thị S2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH W. Bà yêu cầu trừ đi khoản tiền Công ty đồng ý cần trừ theo biên bản ngày 19/11/2021 và ngày 10/12/2021 là 269.000.000 đồng và bà không có nhận lô hàng ngày 29/4/2020 với số tiền 128.125.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà S2: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà S2 trình bày ý kiến bà yêu cầu trừ khoản tiền như tin nhắn tên K gửi cho bà là số tiền 269.652.500 đồng và chuyển hàng ngày 29/4/2020 bà không có nhận.

Tài liệu chứng cứ thể hiện lời trình bày của bà S2 là tin nhắn Zalo của người tên K, bà S2 cho rằng người tên K là bà Nguyễn Thị N nhân viên của Công ty TNHH W là người trực tiếp làm việc với bà thông qua biên bản làm việc ngày 10/12/2021 có thể hiện số tiền Công ty đồng ý cần trừ cho bà, và biên bản làm việc ngày 19/11/2021 giữa bà với ông Võ Quang N1, bà Nguyễn Thị N là nhân viên của Công ty TNHH W cũng thể hiện Công ty đồng ý cần trừ tiền cho bà nhưng để xem xét lại cụ thể.

Nhưng án sơ thẩm lại nhận định: Đối với bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quang N1 lẽ ra Tòa án cần làm việc nhưng bị đơn bà S2 cung cấp tài liệu chứng cứ là 02 biên bản làm việc và trích tin nhắn của tài khoản tên K nhưng không cung cấp được thông tin năm sinh, địa chỉ, đại diện ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp cho Tòa án, bị đơn bà S2 cũng không cung cấp được cho Tòa án nên không có căn cứ làm rõ là chưa chính xác.

Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Quang N1 thể hiện trong biên bản làm việc ngày 19/11/2021 và ngày 10/12/2021 là Trưởng Phòng Marketing và nhân viên Sale của Công ty TNHH W, nhưng án sơ thẩm lại yêu cầu phía bà S2 phải cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ để triệu tập là chưa chính xác. Lẽ ra án sơ thẩm điều tra làm rõ phía Công ty để xác nhận hai người trên có phải là nhân viên của Công ty hay không và hiện nay có còn làm việc tại Công ty hay không để đưa tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đối chiếu làm rõ hai biên bản ngày 19/11/2021 và ngày 10/12/2021.

Ngoài ra bà S2 cho rằng bà không có nhận lô hàng ngày 29/4/2020 nhưng án sơ thẩm lại yêu cầu bà S2 cung cấp họ tên người nhận hàng là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH W thừa nhận ông Võ Quang N1 đúng là Trưởng Phòng Marketing, còn bà Nguyễn Thị N là nhân viên Sale của Công ty và hiện nay vẫn còn đang làm tại Công ty với vị trí như trên. Anh L cũng thừa nhận số tiền phí bảo lãnh theo như biên bản làm việc ngày 10/12/2021 là đại lý ông T sẽ được hưởng và Công ty đã trả cho ông T trong phần chiết khấu đơn hàng. Còn phần hỗ trợ tiền phạt còn lại thể hiện tại biên bản làm việc ngày 10/12/2021 thì Công ty không có tính tiền phạt cho ông T.

Bà S2 cho rằng đối với số tiền phí bảo lãnh theo như biên bản làm việc ngày 10/12/2021 là phía đại lý của bà chưa được nhận, ngoài ra khoản tiền phạt thì Công ty vẫn tính nên bà mới yêu cầu cản trừ lại cho bà.

Ngoài ra, theo biên bản ngày 10/12/2021 còn hiện số tiền 68.935.650 đồng Công ty hỗ trợ cho đại lý khi nhận hàng tại nhà máy Đồng Nai, hỗ trợ sản lượng quý 3, 4 năm 2020 là 75.108.169 đồng, chi phí thuê xe lên nhận hàng nhưng không có hàng số tiền 6.650.000 đồng, giải du lịch 6 tháng đầu năm 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Vũ C hiện là nhân viên của Công ty trình bày: thường khi đại lý lên nhà máy để nhận hàng thì Công ty sẽ trả lại cho đại lý chi phí vận chuyển, hoặc khi đại lý thuê xe lên nhận hàng mà không có hàng thì cũng được Công ty hỗ trợ lại chi phí thuê xe. Đây là tập quán mua bán hàng hóa giữa Công ty và đại lý.

Tại Thư thông báo xác nhận công nợ ngày 01/01/2022 với số tiền công nợ là 859.260.739 đồng, phần ý kiến khách hàng bà S2 có ý kiến số liệu này chưa khớp nhờ Công ty kiểm tra lại hợp đồng ngày 29/4/2020 10.250 kg đại lý không có nhận hóa đơn ngày 02/7/2020 nhận 34 tấn ghi trả 36 tấn thiếu của đại lý 2 tấn, nhưng Công ty không có ý kiến nào phản hồi đối với ý kiến của bà S2.

Trong quá trình giải quyết án sơ thẩm chưa đưa ông Võ Quang N1 và bà Nguyễn Thị N vào tham gia tổng tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đối chất làm rõ hai biên bản làm việc với tư cách đại diện Công ty với ông T ngày 19/11/2021 và ngày 10/12/2021 có hay không việc Công ty đồng ý cản trừ số tiền 269.652.500 đồng và điều tra làm rõ có hay không việc Công ty giao lô hàng ngày 29/4/2020.

Giai đoạn phúc thẩm, Tòa án có triệu tập ông Võ Quang N1 và bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn D1 là người lập biểu trong thư thông báo xác nhận công nợ ngày 01/01/2022 nhưng những người này không đến.

Do cần phải đưa ông Võ Quang N1 và bà Nguyễn Thị N vào tham gia tổng tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để đối chất làm rõ hai biên bản làm việc với tư cách đại diện Công ty với ông T ngày 19/11/2021 và ngày 10/12/2021 có hay không việc Công ty đồng ý cản trừ số tiền 269.652.500 đồng và điều tra làm rõ có hay không việc Công ty giao lô hàng ngày 29/4/2020 ai là người nhận hàng, ai là người giao hàng. Trường hợp đưa họ vào tham gia tố

tụng nhưng triệu tập không đến thì cần phải xác minh thu thập tài liệu chứng cứ tại Ngân hàng nơi phát hành chứng thư bảo lãnh để làm rõ số tiền phí bảo lãnh từ ngày phát hành chứng thư cho đến ngày kết thúc thì hàng tháng phí bảo lãnh ai là người thực hiện và mỗi tháng phí bảo lãnh cụ thể là bao nhiêu, đại lý Quang T có được nhận như lời trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn hay chưa và làm rõ số tiền giải du lịch có hay không và được chi trả chưa và các khoản hỗ trợ thể hiện tại biên bản làm biệc ngày 10/12/2021 đã thực hiện chưa và thực hiện như thế nào.

Những thiếu sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được để đảm bảo hai cấp xét xử, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí bị đơn bà S2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1/ Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm 412/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí: Bà Đặng Thị S2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bà S2 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020917 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền